TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2024.
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hồ Quý Vĩnh.
2/ Ông Lê Tấn Hoành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972
Địa chỉ: 7/2 N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *(Có mặt)*

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị Kim V, sinh năm 1972.
Địa chỉ: 7/2 N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023, văn bản trình bày ý kiến ngày 13/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và bà Vũ Thị Kim V tìm hiểu, quen biết nhau khoảng hai năm thì quyết định kết hôn. Chúng tôi kết hôn năm 2001 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố H. Cuộc sống ban đầu vợ chồng tương đối hạnh phúc. Sau khoảng 10 năm chung sống, chúng tôi liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Kể từ năm 2010, chúng tôi đã không còn sinh hoạt vợ chồng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tôi xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tôi không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cãi vả, gây mất trật tự, ảnh hưởng đến gia đình, con cái. Tôi cũng đã cân nhắc, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà Vũ Thị Kim V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 *(Hai)* con chung: Nguyễn Như Ngọc H, sinh ngày 04/01/2003 *(đã trưởng thành)* và Nguyễn Như Ngọc K, sinh ngày 16/4/2009. Các con hiện nay đang sống cùng vợ chồng tôi. Khi ly hôn, tôi giao con Nguyễn Như Ngọc K cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng và tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 13/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, bà Vũ Thị Kim V trình bày:

Quá trình đi đến hôn nhân của vợ chồng tôi đúng như chồng tôi đã trình bày. Hôn nhân chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố H vào năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại 7/2 N, phường M, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc. Sau đó khoảng 10 năm, giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng là do chồng tôi rất nhiều lần không chung thuỷ. Bản thân tôi luôn toàn tâm toàn ý lo cho gia đình, chồng con nhưng chồng tôi không quan tâm, nghe lời người ta về gây gỗ trong gia đình, làm gia đình mất hạnh phúc. Nay chồng tôi có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý. Tôi được cưới hỏi đàng hoàng, về nhà chồng làm dâu, sinh con. Dù vợ chồng không còn tình cảm thì cũng còn tình nghĩa. Tôi đã chăm lo cho con và gia đình từ hai mươi mấy năm nay, công sức tôi bỏ ra không ít. Tôi không chấp nhận việc ly hôn rồi đuổi tôi đi. Tôi có thể chấp nhận vợ chồng không hạnh phúc, mỗi người sống mỗi nơi, chồng tôi để tôi yên ổn làm ăn nuôi con như hiện nay. Còn việc ly hôn thì tôi không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 *(Hai)* con chung như chồng tôi trình bày. Trường hợp phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như Ngọc K, tôi chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà chồng tôi đề nghị.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Vũ Thị Kim V. Về con chung, giao con tên Nguyễn Như Ngọc K cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng. Ông T có quyền thăm nom con chung. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T

phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Vũ Thị Kim V; bà V hiện đang cư trú tại 7/2 N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị Kim V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố H vào ngày 15/3/2001 *(số: 18, quyển số 24)* nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng theo ông T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Còn theo bà V, vợ chồng bà sống không hạnh phúc là do ông T không chung thuỷ, về nhà gây gỗ, làm gia đình mất hạnh phúc. Mâu thuẩn vợ chồng họ xảy ra nhiều năm, nhưng chưa được gia đình và địa phương giải quyết dứt điểm. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn cương quyết xin ly hôn. Bà V không muốn ly hôn không phải vì còn tình cảm vợ chồng mà bà sợ ly hôn thì không có chỗ để sinh sống, làm ăn buôn bán.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, mười mấy năm nay, ông T và bà V tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Ông T lại không chung thuỷ, quen biết người phụ nữ khác. Bà V thì phó mặc, không tìm cách níu kéo, hàn gắn. Bà không muốn ly hôn không phải vì còn tình cảm với ông T, muốn có một gia đình hạnh phúc mà chỉ cần có một chỗ ở ổn định để làm ăn, nuôi con. Như vậy, giữa hai ông bà không hề có tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung: Nguyễn Như Ngọc H, sinh ngày 04/01/2003 *(đã trưởng thành)* và Nguyễn Như Ngọc K, sinh ngày 16/4/2009.

Bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Như Ngọc K và chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà ông T đề nghị là mỗi tháng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Hội đồng xét xử thấy rằng: cháu Ngọc H đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại văn bản ngày 14/11/2023, cháu Ngọc K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Từ trước đến nay, bà V là người trực tiếp chăm lo cho con cái. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ngọc K cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Ông T và bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Vũ Thị Kim V.

2) Về con chung: có 02 *(Hai)* con chung:

- Nguyễn Như Ngọc H, sinh ngày 04/01/2003 *(đã trưởng thành)*.

- Nguyễn Như Ngọc K, sinh ngày 16/4/2009.

Sau khi ly hôn, bà Vũ Thị Kim V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như Ngọc K.

Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con tên Ngọc K mỗi tháng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3) Án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0018760 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Ông T còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị Kim V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thị BÍch Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND phường Minh An, TP Hội An (Số: 18/2001, ngày 15/3/2001);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.